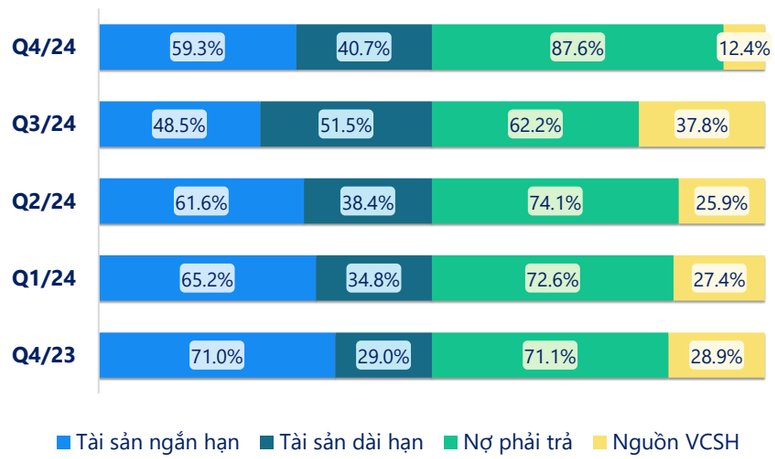
FireAnt

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,860
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,090
SL cổ phiếu LH	112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,509,900
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	322
P/E	-1.1
EPS	-2,557

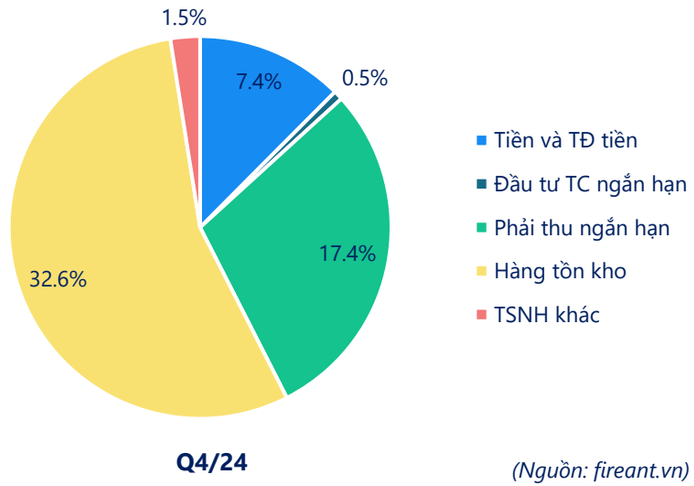
	YTD	1T	3T	6T
TDH	33.0%	7.5%	-14.9%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



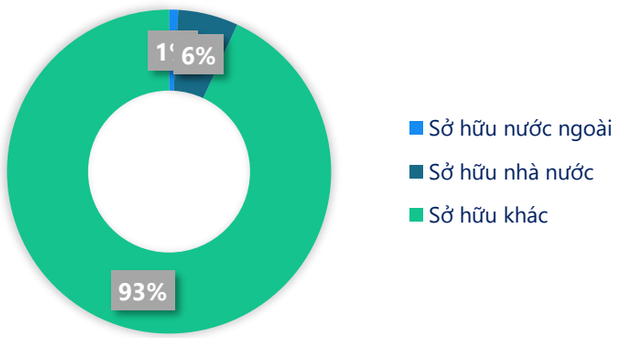
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



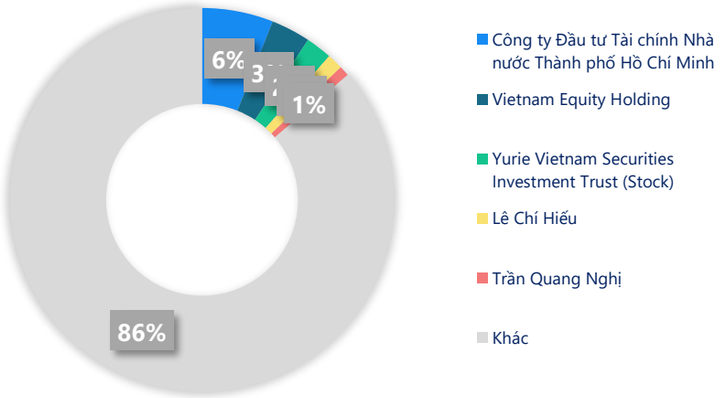
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



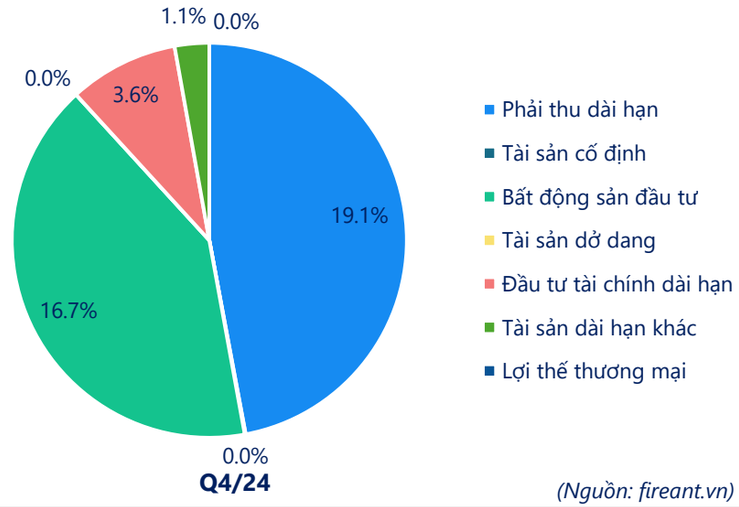
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

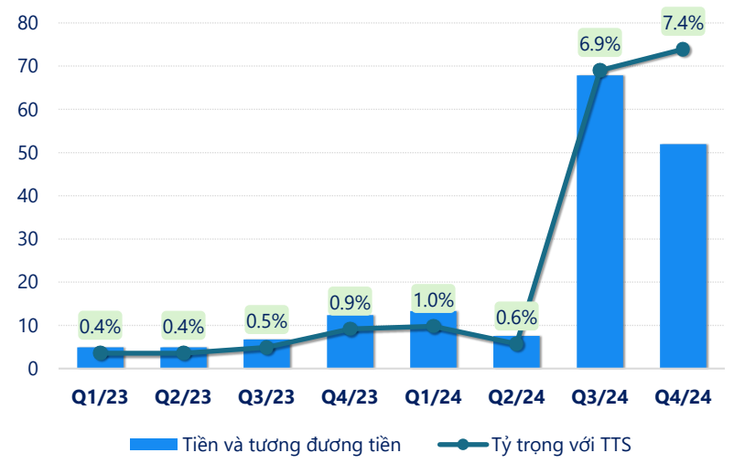


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

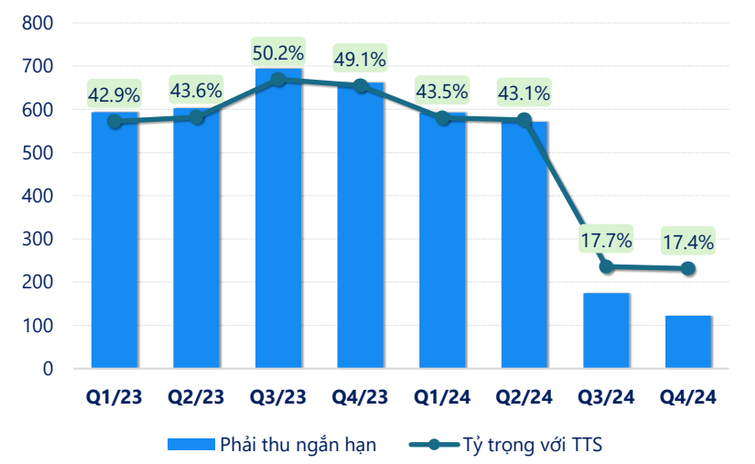
CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



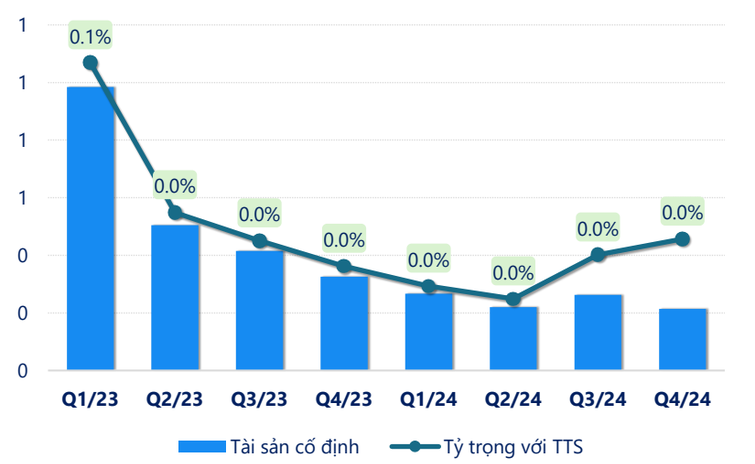
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



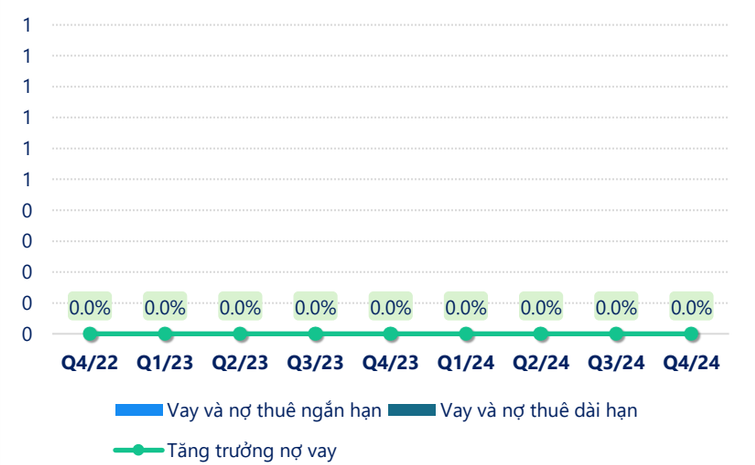
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



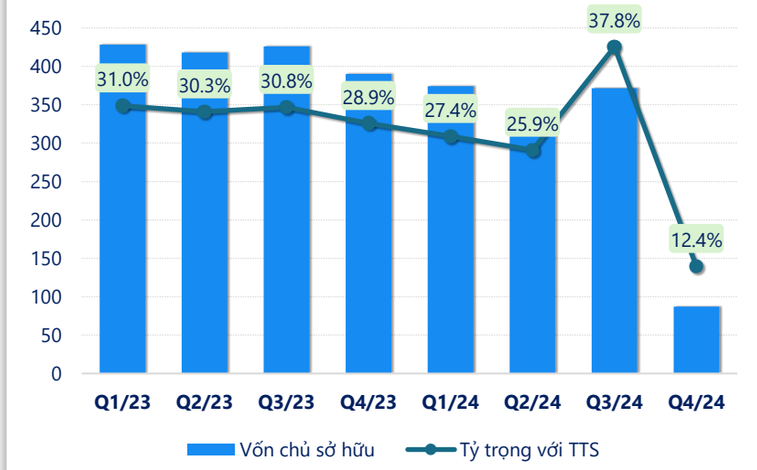
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

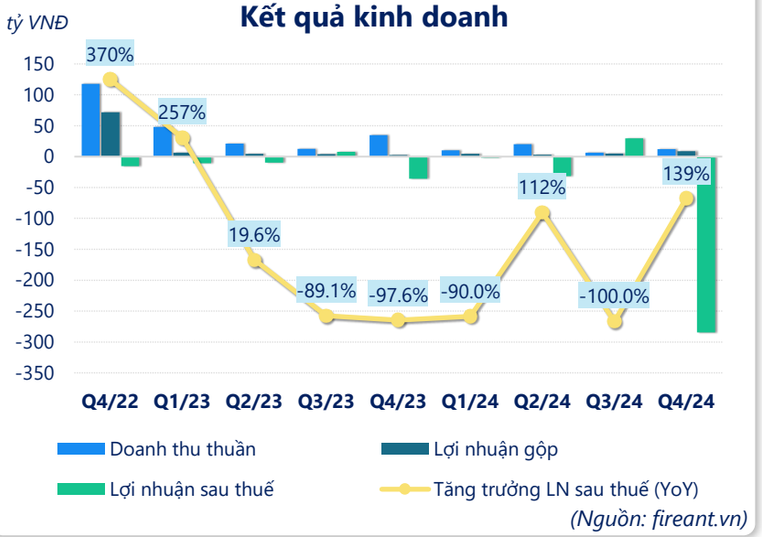


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

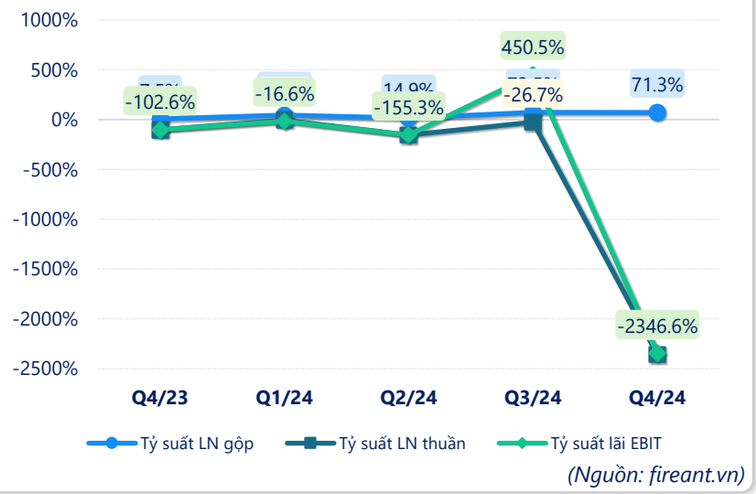
CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Kết quả kinh doanh



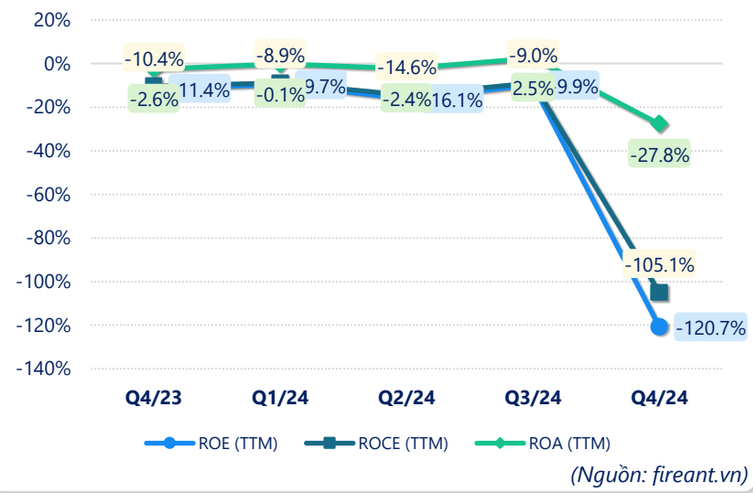
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



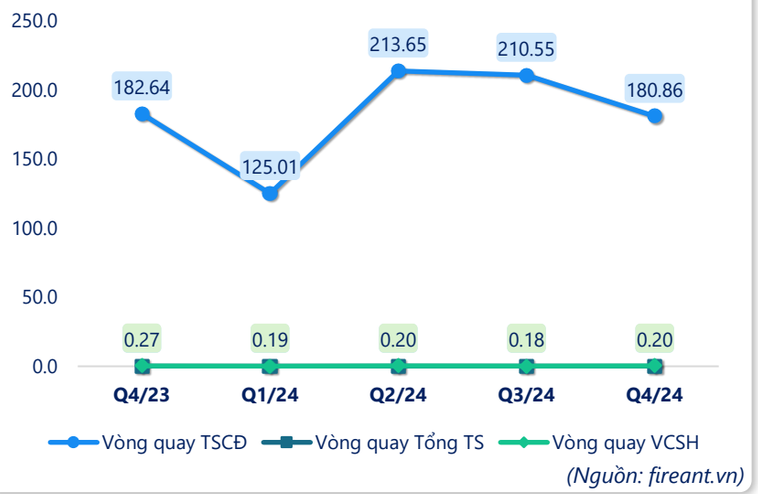
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



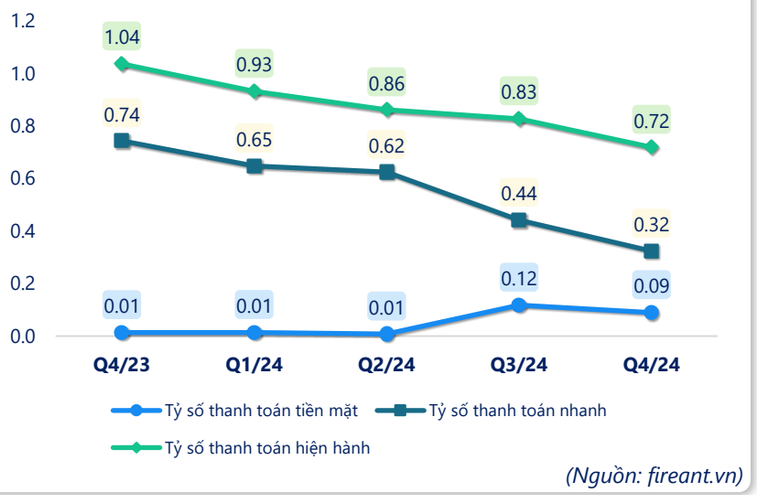
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



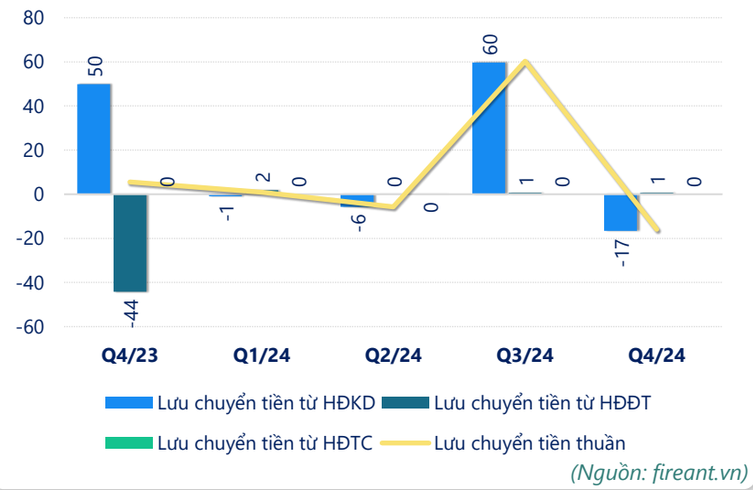
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**703**	**1,334**	**-47.3%**
Tài sản ngắn hạn	417	853	-51.2%
Tiền và tương đương tiền	51.9	12.3	321%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.26	3.80	-14.1%
Phải thu ngắn hạn	122	558	-78.1%
Hàng tồn kho	229	271	-15.3%
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	8.73	19.1%
Tài sản dài hạn	**286**	**480**	**-40.5%**
Phải thu dài hạn	134	358	-62.5%
Tài sản cố định	0.21	0.33	-34.3%
Bất động sản đầu tư	117	86.6	35.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.6	25.8	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	**8.07**	**8.97**	**-10.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	615	958	-35.7%
Nợ ngắn hạn	**580**	**924**	**-37.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	144	144	-0.4%
Nợ dài hạn	35.3	33.9	4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**87.1**	**376**	**-76.8%**
Vốn chủ sở hữu	**87.1**	**376**	**-76.8%**
Vốn điều lệ	1,127	1,127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	34.7	10.1	20.0	6.56	12.1
Giá vốn hàng bán	32.1	5.72	17.0	1.80	3.46
Lợi nhuận gộp	2.62	4.42	2.97	4.76	8.62
Doanh thu HĐTC	0.90	0.00	1.59	0.79	0.83
Chi phí TC	0.31	0.18	0.33	-0.18	-0.25
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0.01	0	0.00
Chi phí bán hàng	0.52	0.56	0.37	0.38	0.69
Chi phí QLDN	38.0	4.30	35.0	7.09	294
LN thuần từ HĐKD	-35.3	-0.62	-31.2	-1.75	-285
Lợi nhuận khác	-0.28	-1.06	0.13	31.3	1.32
LN trước thuế	-35.6	-1.68	-31.0	29.6	-284
Lợi nhuận sau thuế	-35.8	-1.69	-31.5	29.6	-284
LNST của CĐ cty mẹ	-35.8	-1.38	-31.8	29.6	-284

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.8	-0.92	-5.76	59.7	-16.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.3	1.89	0.00	0.59	0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.00	0	0
Tiền đầu kỳ	6.74	12.3	13.3	7.54	67.8
Lưu chuyển tiền thuần	**5.59**	**0.96**	**-5.76**	**60.3**	**-15.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.3	13.3	7.54	67.8	51.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic